

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 66, TUYỂN SINH NĂM 2024)

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

Số: 1596/QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
áp dụng từ khóa 66 (tuyển sinh năm 2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKTQD-HĐT ngày 09/3/2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/6/2022 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/11/2022 của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế Quốc dân quy định mở ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/02/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký, Ban chuyên môn và Quyết định số 193/QĐ-ĐHKTQD ngày 01/3/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ vào Biên bản thông qua 37 chương trình đào tạo trình độ đại học cập nhật năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 18/12/2023 và đề xuất của các Khoa, Viện đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 37 chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 66 tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có 37 chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường khoa, Viện trưởng, Trường bộ môn, Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- P.TT (để đăng Công TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1596 /QĐ-ĐHKTQD ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân Kinh tế và Quản lý Nguồn nhân lực/ Bachelor of Human resource Economics and Management/
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo/Major:	Kinh tế/Economics
Mã ngành/Code:	7310101
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy/Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Việt/Vietnamese
Thời gian đào tạo/Duration Time:	4 năm/ 4 Years
Số tín chỉ:	130
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	225/QĐ-BGDĐT ngày 11/01/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Kiểm định chương trình:	
Thời điểm điều chỉnh:	Tháng 12 năm 2023
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2024 (khóa 66 đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Khoa Kinh tế và Quản lý Nguồn nhân lực

13

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và quản trị kinh doanh; có các kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý nguồn nhân lực, cập nhật với tình hình kinh tế xã hội trong nước và quốc tế, đồng bộ và đa ngành, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và khả năng làm việc độc lập; có các kỹ năng và công cụ phân tích kinh tế chuyên sâu, hiện đại và có đủ năng lực nghiên cứu, hoạch định, thực thi các chính sách kinh tế và quyết định kinh doanh ở nhiều cấp độ khác nhau; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Mục tiêu cụ thể:

Mã /Code	Mô tả /Description
PO1	Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, các nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất.
PO2	Có kiến thức chuyên sâu về nguồn nhân lực, kinh tế nguồn nhân lực, có thể vận dụng các học thuyết kinh tế để lý giải, phân tích, đánh giá và dự đoán các vấn đề liên quan đến nguồn nhân lực và thị trường lao động đang ở góc độ vi mô và vĩ mô.
PO3	Có khả năng thực hành tốt kỹ năng nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, phản biện, phê phán, lập luận, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực liên quan đến kinh tế nguồn nhân lực và thị trường lao động, bao gồm an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, quan hệ lao động và an sinh xã hội.
PO4	Có kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; có thể chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống.
PO5	Có tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động, trách nhiệm và tin cậy trong công việc.
PO6	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực tài chính, nhân lực và thông tin, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của bản thân và tổ chức.

le

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Có hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội và các đặc trưng của địa phương.
- Có tư duy logic và năng lực toán học đủ để học được các nội dung có tính định lượng trong các học phần của ngành Kinh tế, chuyên sâu Kinh tế và Quản lý Nguồn nhân lực.

- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Trường
PLO1.1	Vận dụng được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp.
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau.
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Vận dụng được kiến thức về toán kinh tế, hoạch toán kế toán, thống kê, marketing, quản trị nhân lực trong phân tích các hoạt động kinh doanh và các tổ chức.
PLO1.5	Hiểu một hệ thống đồng bộ các lý thuyết, mô hình kinh tế, vận dụng và thực hiện được các phân tích từ cơ bản cho đến chuyên sâu về các vấn đề kinh tế và quản lý nguồn nhân lực ở góc ở cấp độ vi mô đến vĩ mô.
PLO1.6	Phân tích được các ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế, xã hội, dân số và lao động, môi trường, đầu tư, kinh tế quốc tế và hành vi của các tác nhân trong nền kinh tế đến các vấn đề kinh tế và quản lý nguồn nhân lực ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô.
PLO1.7	Khả năng vận dụng các lý thuyết, mô hình kinh tế được trang bị vào việc xây dựng khung phân tích, giải thích các vấn đề thực tiễn liên quan đến nguồn nhân lực, các chính sách, phân tích, đánh giá các quyết định của Chính phủ, các doanh nghiệp và các tác nhân kinh tế khác trong nước và quốc tế có liên quan đến kinh tế và quản lý nguồn nhân lực.
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của trường
PLO2.1	Kết hợp (mức 4) các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet,... để học tập, nghiên

	cứu và ứng dụng thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng).
PLO2.2	Thành thạo (mức 4) tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng).
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	Sử dụng thành thạo các công cụ chuyên sâu của kinh tế lượng trong phân tích kinh tế, sử dụng thành thạo các phần mềm SPSS, Stata,... hỗ trợ cho công việc phân tích kinh tế và quản lý nguồn nhân lực.
PLO2.4	Thành thạo kỹ năng tiến hành nghiên cứu độc lập và theo nhóm, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề kinh tế-xã hội, chính sách liên quan đến nguồn nhân lực cả ở góc độ vi mô và cấp độ vĩ mô tổng thể của nền kinh tế để giải quyết các vấn đề kinh tế.
PLO2.5	Làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc. Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn (mức 5).
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động. Có năng lực dẫn dắt và ảnh hưởng về chuyên môn trong các lĩnh vực chuyên sâu; có sáng kiến trong thực hiện các công việc được giao. Có khả năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau (mức 5).
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học. Có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực chuyên sâu của mình (mức 5).
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn. Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật (mức 4).

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO 1.1	x					
PLO 1.2	x					
PLO 1.3	x					
PLO 1.4		x				
PLO 1.5		x				
PLO 1.6		x				
PLO 1.7		x				

PLO 2.1			X			
PLO 2.2			X			
PLO 2.3			X			
PLO 2.4			X	X		
PLO 2.5			X	X		
PLO 3.1				X	X	X
PLO 3.2					X	X
PLO 3.3					X	X
PLO 3.4					X	X

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm: Cử nhân ngành Kinh tế (chuyên sâu Kinh tế và Quản lý Nguồn nhân lực) có thể làm việc tại: (1) Các cơ quan, tổ chức tư vấn, hoạch định và thực thi các chính sách về kinh tế, quản lý nguồn nhân lực của Đảng, Chính phủ, các Bộ chuyên ngành, các tỉnh, thành phố; (2) Các viện nghiên cứu kinh tế xã hội, các trường đại học khối kinh tế; (3) Các công ty nghiên cứu, tư vấn kinh tế độc lập, chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế và quản lý nguồn nhân lực; (4) Các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; (5) Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ, các dự án liên quan đến các vấn đề kinh tế - xã hội, quản lý nguồn nhân lực;

- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể học nâng cao trình độ ở bậc đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ). Ngoài ra, sinh viên có thể tiếp tục học tập với các khoá huấn luyện và đào tạo ngắn hạn để trở thành chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn có liên quan.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

us

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của trường	21	4 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực	12	4 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	3 tín chỉ
1.5. Giáo dục Quốc phòng -An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành	12	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			47		
	1.1. Các học phần chung			14		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I-II	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II-III -IV	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	III=> VI	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III- VI	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Ideology	LTT1101	2	IV=> VII	
6	6	Pháp luật đại cương /Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
		Giáo dục thể chất/ Physical Education (3 tín chỉ)	GDTC	-	-	-

128

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-	-	-
	1.2. Các học phần chung của Trường			21		
7	1	Kinh tế vi mô 1 / Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 / Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
10	4	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh/ Data Science in Economics and Business	TOKT1138	3	IV-V	
11	5	Ngoại ngữ / Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	1.3. Các học phần chung của lĩnh vực			12		
12 13 14 15	1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	II	
	2	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economics and Business	TKKD1129	3	I	
	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT11017	3	IV	KHMI1101 KHMA1101
	4	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	
	2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			83		
	2.1. Các học phần chung của nhóm ngành			12		
16	1	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT1128	3	III	KHMA1101
17	2	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	III	KHMI1101 KHMA1101
18	3	Kinh tế lao động Labor Economics	NLKT1115	3	III	KHMI1101 KHMA1101
19	4	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	III	KHMI1101 KHMA1101
	2.2. Các học phần của ngành			61		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			31		
20	1	Kinh tế vi mô 2 Microeconomics 2	KHMI1102	3	IV	KHMI1101
21	2	Dân số và phát triển Population and Development	NLDS1103	3	II-III-IV	
22	3	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3	IV	
23	4	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công Human Resource Management in public sector organisations	NLKT1121	3	V	NLQT1103
24	5	Kinh tế lao động nâng cao Labor Economics Advanced	NLKT1116	3	IV-V	NLKT1115
25	6	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	NLQT1101	3	V	
26	7	Phát triển nguồn nhân lực Human Resource Development	NLKT1106	3	VI	NLQT1103

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
27	8	Quan hệ lao động Industrial Relations/Labor Relations	NLKT1109	3	VI	NLQT1103
28	9	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp Occupational Health and Safety Management	NLKT1118	3	VII	NLQT1103
29	10	Chuyên đề thực tế (Project)	NLKT1119	4	IV-V-VI	
	2.2.2 Các học phần tự chọn (SV chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần)			30		
30 31 32 33 34 35 36 37 38 39	1	Lịch sử các học thuyết kinh tế History of Economic Theories	LLNL1101	3	IV	
	2	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	V	KHMI1101 KHMA1101
	3	Kinh tế học về các vấn đề xã hội Economics of Social Problems	KHMA1123	3	V	KHMI1101 KHMA1101
	4	Phát triển bền vững Sustainable Development	PTKT1129	3	V	
	5	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	VI	
	6	Xã hội học Sociology	NLXH1106	3	IV	
	7	Quản trị nhân lực chiến lược Strategic Human Resource Management	NLQT1111	3	VII	NLQT1103
	8	Luật lao động Labour Law	LUKD1108	3	VII	LUCS1129
	9	Hệ thống thông tin nguồn nhân lực Human Resource Information System	NLQT1123	3	VII	
	10	Tâm lý học lao động Psychology of Labour	NLXH1101	3	V	
	11	Quản trị nhân lực quốc tế International Human Resource Management	NLQT1112	3	VI	
	12	Quản trị thù lao lao động Compensation Management	NLQT1119	3	VI	
	13	Phân tích và quản lý thực hiện công việc Job analysis and Performance Management	NLQT1110	3	V	NLQT1103
	14	Tuyển dụng nhân lực Human Resource Acquiring	NLQT1117	3	VI	
	15	Thống kê lao động Labour Statistic	TKKT1111	3	VI	
40	2.3. Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)		NLKT1122	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)			130		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

lu

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.
- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Tổng quát có các phương pháp sau đây: thuyết giảng, thảo luận, tranh biện, bài tập tình huống, thuyết trình, nhập vai.
- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.
- Phương pháp đánh giá chuyên cần: tham dự các buổi học trên lớp.
- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà; Bài tập nhóm; Thuyết trình; Kiểm tra nhanh; Viết luận/tóm tắt,...
- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; Viết luận; Viết báo cáo; Thực địa/thực hành; Dự án; Thuyết trình; Bài tập tình huống; Vấn đáp...
- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp...dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.
- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.
- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

Kết thúc khóa học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).
- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.
- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

1. Chương trình đào tạo cử nhân kinh tế (Kinh tế nguồn nhân lực) trường Universiti Malaysia Sabah (UMS), Malaysia.

Mục tiêu của chương trình này là đào tạo ra những cử nhân lành nghề có năng lực trong các vấn đề liên quan đến nguồn nhân lực. Sinh viên sẽ có thể theo dõi những thay đổi

năng động của cả thị trường lao động trong nước và toàn cầu. Người học sẽ được tiếp xúc với sự phát triển của nền kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế tri thức (nền kinh tế-K). Chương trình này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng chuyên môn cần thiết để quản lý.

Đường link tham khảo: <https://studymalaysia.com/what/course/ums/0000500>

2. Chương trình đào tạo cử nhân kinh tế chuyên ngành Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực - Khoa Kinh tế học viện chính sách và phát triển.

Cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực sẽ được trang bị kiến thức, kỹ năng một cách hệ thống về quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ chuyển đổi số. Chương trình Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực sẽ cung cấp kiến thức, kỹ năng về kinh tế và quản lý nguồn ở cả cấp độ quốc gia, địa phương và tổ chức gồm: (1) Phương pháp tiếp cận phát triển và quản lý nguồn nhân lực trên bình quốc gia, địa phương và tổ chức (2) Hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực (3) Xây dựng kế hoạch quản lý, đánh giá chất lượng nguồn nhân lực (4) Hoạch định kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho người lao động (5) Xây dựng môi trường văn hoá tổ chức, doanh nghiệp thân thiện phù hợp với nguồn lực của tổ chức. Những kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý nguồn nhân lực sẽ giúp cử nhân chuyên ngành Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực có thể làm việc với vị trí cử nhân, quản lý, lãnh đạo tại các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế.

Đường link tham khảo: http://apd.edu.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc5/-/asset_publisher/3MSx2WbSW3cU/content/id/1529615

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

➤ Giảng viên:

- Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:
 - Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành kinh tế /nhóm ngành kinh tế học/ lĩnh vực xã hội khoa học và hành vi, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành kinh tế /nhóm ngành kinh tế học/ lĩnh vực xã hội khoa học và hành vi, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên

➤ **Trợ giảng**

- Tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:
 - Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
 - Trợ giảng các học phần cơ sở khối ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành kinh tế /nhóm ngành kinh tế học/lĩnh vực xã hội khoa học và hành vi, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng
 - Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành kinh tế /nhóm ngành kinh tế học/lĩnh vực xã hội khoa học và hành vi, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Trường Đại học Kinh tế Auốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo 3 công khai,... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.
- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của trường theo quy định.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS Vũ Hoàng Ngân

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Hồng Chương